

Số: 16/2020/QĐST-HNGĐ

B, ngày 10 tháng 01 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN TẠM TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA TẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 615/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1996; địa chỉ 54A Võ Trường Toản, khu phố 4, thị trấn B, huyện B, tỉnh B.

Bị đơn: anh Trần Anh K, sinh năm 1993; địa chỉ ấp A, xã An T, huyện B, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 01 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Minh T và anh Trần Anh K. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 45 ngày 09/6/2017 của UBND thị trấn B, huyện B, tỉnh B chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

2. Công nhận sự thoả Tận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Minh T và anh Trần Anh K Tạm tình ly hôn.
- Về con chung: chị Nguyễn Thị Minh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng Trần Gia B, sinh ngày 25/4/2017. Ghi nhận chị T tự nguyện không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: hai bên khai không có.

- Về nợ chung: hai bên khai không có.

- Về án phí hôn nhân và gia đình: 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) chị Nguyễn Thị Minh T đồng ý nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai T tiền số 0008618 ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Chị T được nhận lại số tiền còn dư là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- [UBND thị trấn B;](#)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Thị Ngọc Duyên